CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ MIRAE ASSET (VIỆT NAM)
Digitally signed by CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ MIRAE ASSET (VIỆT NAM)
DN: OID.0.9.2342.19200300.100.1.1=MST:0102811624, CN=CÔNG TY TNHH QUẢN LÝ QUỸ MIRAE ASSET (VIỆT NAM), S=Hà Nội, C=VN
Reason: I am the author of this document
Location:
Date: 2024.03.27 14:23:06+07'00'
Foxit PDF Reader Version: 12.1.3

QUỸ ETF MAFM VNDIAMOND

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Số/No.: 335/2024/CV-MAFM

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2024
Hanoi, day 27 month 03 year 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI

ANNOUNCEMENT AFTER EXCHANGE TRADING

Kính gửi/*To*: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM/ *Hochiminh Stock Exchange*
Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước/ *State Securities Commission*

- Tên CTQLQ/ *Fund Management company:* Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)
- Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank:* Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam
- Tên Quỹ ETF/ *ETF name:* Quỹ ETF MAFM VNDIAMOND
- Mã chứng khoán/ *Securities symbols:* FUEMAVND
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date:* 26/03/2024
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF */Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates*

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of Component Securities and Cash Component:*

STT *Order*	Mã chứng khoán *Securities symbol*	Số lượng *Volume*	Tỷ lệ % trong danh mục *Weighting*
I.	**Chứng khoán/ *Stock***		
1	ACB	3200	7.0%
2	CTG	700	1.9%
3	FPT	1700	15.4%
4	GMD	1400	8.7%
5	HDB	1300	2.4%
6	KDH	600	1.8%
7	MBB	3500	6.9%
8	MSB	2000	2.3%
9	MWG	4000	15.3%
10	NLG	700	2.4%
11	OCB	1000	1.2%
12	PNJ	1500	11.4%
13	REE	900	4.5%
14	TCB	2100	7.5%
15	TPB	1600	2.4%
16	VIB	1500	2.9%
17	VPB	2900	4.4%
18	VRE	600	1.2%
II.	**Tiền / Cash (VND)**	4,456,063	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Difference between a basket and one lot of ETF in value:*
  + Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket value:* 1,254,535,000 VND
  + Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF:* 1,258,991,063 VND
  + Giá trị chênh lệch (nếu có)/ *Spread in value:* 4,456,063 VND
  + Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch (nếu có)/ *Plan to reduce the spread:*
    · Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ *For creation order:* Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*
    · Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *For redemption order:* Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/ *In case, stock can be replaced by cash, state reason:*

STT *No*	Mã chứng khoán *Securities code*	Tiền thay thế tương ứng 1 cp (VND) *Substitution cash per securities (VND)*	Đối tượng áp dụng *Applied to*	Lý do *Reason*
1	ACB	27,500	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/*MAS, KIS, foreign investor*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / *The stock reaches foreign ownership limit*
2	FPT	114,000	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/*MAS, KIS, foreign investor*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / *The stock reaches foreign ownership limit*

3	GMD	78,100	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/*MAS, KIS, foreign investor*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / *The stock reaches foreign ownership limit*
4	MBB	24,700	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/*MAS, KIS, foreign investor*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / *The stock reaches foreign ownership limit*
5	MSB	14,750	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/*MAS, KIS, foreign investor*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / *The stock reaches foreign ownership limit*
6	OCB	14,650	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/*MAS, KIS, foreign investor*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / *The stock reaches foreign ownership limit*
7	PNJ	96,000	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/*MAS, KIS, foreign investor*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / *The stock reaches foreign ownership limit*
8	REE	63,500	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/*MAS, KIS, foreign investor*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / *The stock reaches foreign ownership limit*
9	TCB	44,800	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/*MAS, KIS, foreign investor*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / *The stock reaches foreign ownership limit*
10	VIB	23,950	MAS, KIS, nhà đầu tư nước ngoài/*MAS, KIS, foreign investor*	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / *The stock reaches foreign ownership limit*

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)
  State if component securities shall have corporate action:
- Các nội dung khác có liên quan (nếu có)/ *Other informations*:

Chỉ tiêu/Criteria	**Kỳ này/This period (*) 26/03/2024**	**Kỳ trước/Last period (**) 25/03/2024**	**Chênh lệch/ Difference**
1. Số lô đã phát hành thêm/ *Creation Units were issued*	-	-	-
2. Số lô đã mua lại/ *Creation Units were redeemed*	-	-	-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ *Issued shares*	30,900,000	30,900,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/chứng chỉ quỹ)/ *Closing price*	12,730	12,650	80
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ *Net Asset Value at Valuation Date*			
- của quỹ ETF/ *of the Fund*	389,028,238,539	393,683,451,225	(4,655,212,686)
- của 1 lô CCQ ETF/ *per ETF Creation Unit*	1,258,991,063	1,274,056,476	(15,065,413)
- của 1 CCQ/ *per share*	12,589.91	12,740.56	(150.65)
6. Chỉ số tham chiếu/ *Tracking Index*	2,121.73	2,090.69	31.04

(*) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày/ Item 5 is net asset value at 25/03/2024
(**) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày/ Item 5 is net asset value at 24/03/2024

Tổng Giám Đốc kiêm đại diện pháp luật
CEO and legal representative

CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN QUẢN LÝ QUỸ MIRAE ASSET (VIỆT NAM)

Soh Jin Wook